

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 27-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2024/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký HKTT: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tất Đ và bà Lê Thị D; Tiền sự: Không; Tiền án: 01:

Tại bản án số 97/2015/HSST ngày 28-7-2015, của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và Bản án số 183/2015/HSST ngày 15-9-2015, của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường trách nhiệm dân sự.

Nhân thân:

Bản án số 41/2015/HSST ngày 23-12-2015, của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 125/2019/HSST ngày 28-8-2019, của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Ngày 13-6-2017, bị Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26-10-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Trần Văn L, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1990 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký HKTT: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ, nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị P, Tiền sự: Không; Tiền án: Không

Nhân thân:

Bản án số 81/2014/HSST ngày 30-7-2014, của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27-10-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Trần T T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ X, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

2. Anh Trần Văn Quốc T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N, Trần Văn L có quan hệ bạn bè và đều là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào tháng 10 năm 2023, N và L đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 21/10/2023, Trần Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng (không rõ biển số), chở Lê Văn N để đi mua đồ ăn. Khi đi qua cửa hàng mua bán điện thoại di động “T” nằm trên đường Độc Lập thuộc khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, L quan sát thấy bên ngoài cửa hàng có dựng 01 (một) xe mô tô biển số: 75E1 - 685.70 của chị Trần T T (sinh năm 2000; thường trú tại tổ X, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), là khách hàng của quán, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên L điều khiển xe quay đầu lại quán và nói N lấy trộm chiếc xe này thì N đồng ý. Sau khi quan sát thấy không có ai trông coi, N lén lút đi đến dắt chiếc xe trên ra đường rồi nổ máy điều khiển xe chạy về phòng trọ của N ở tổ X, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cất giấu. Ngày 22/10/2023, N điều khiển xe mô tô biển số: 75E1 - 685.70 chạy lên khu vực cầu vượt An Sương thuộc Quận X, thành phố Hồ Chí Minh, bán xe này cho một người đàn ông đi đường (không rõ họ tên, nhân

thân, lai lịch) được 4.000.000 đồng. N chia cho L 2.000.000 đồng và hưởng 2.000.000 đồng. Số tiền này L và N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 23/10/2023, Trần Văn L rủ một người bạn tên Đ (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi tìm người sơ hở trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô (không rõ chủng loại, biển số) chở L đi đến khu vực ngã ba C thuộc tổ X, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì phát hiện 01 (một) xe mô tô biển số: 68B1 - 267.73 của anh Trần Văn Quốc T1 (sinh năm 1995; thường trú tại ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang) để trước cửa phòng trọ trong khu nhà trọ “bà N” không có người trông coi nên thống nhất trộm chiếc xe này. Đ đứng bên ngoài cảnh giới, còn L đi vào trong dãy phòng trọ dắt trộm xe ra nhưng không được do xe đã bị khóa cổ và khóa bánh nên L quay ra ngoài, cùng Đ đi về tiệm games bắn cá ở khu phố V, phường P thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại đây, L gặp Lê Văn N nên rủ N cùng đi trộm xe thì N đồng ý. Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N và L quay lại khu nhà trọ của bà N để trộm chiếc xe trên. Khi đến nơi Đ đứng ngoài cảnh giới, còn L và N đi vào bên trong, dùng dây kẽm buộc cửa các phòng trọ lại rồi dắt trộm xe ra nhưng không bẻ được khóa nên Đ chở L và N về phòng trọ của N ở khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu rồi Đ ra về. Đến 04 giờ ngày 24/10/2023, L điều khiển xe mô tô Sirius màu trắng (không rõ biển số), chở phía sau N, cầm theo 01 (một) cây kim cộng lực dài 80cm và 01 (một) T đoản hình chữ L có 03 (ba) mũi dùng để phá khóa xe rồi quay trở lại nhà trọ trên. Đến nơi, L đứng ngoài cảnh giới còn N cầm theo kim cộng lực và T đoản đi vào bên trong dãy nhà trọ, bẻ khóa và dắt chiếc xe mô tô biển số: 68B1 - 267.73 ra bên ngoài. Do không nổ máy xe được nên N ngồi lên xe mô tô để L điều khiển xe chạy phía sau đẩy xe vừa trộm được về phòng trọ của N, sau đó N thay biển số xe thành 75H1-439.40 để chờ đi tiêu thụ. Đến ngày 26/10/2023, Công an phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiểm tra hành chính nơi ở của N thì phát hiện bắt giữ người cùng tang vật. Tại Cơ quan công an, qua làm việc Lê Văn N và Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên (BL: 116-137).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 197/KL ngày 01/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND thị xã Phú Mỹ, kết luận: “01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng-đen-đỏ, loại Exciter, dung tích 149cm³, biển số 68B1-267.73, số máy G3D4E396662, số khung 0610GY378153. Mua mới vào năm 2017. Tại thời điểm ngày 24/10/2023 tài sản có giá trị là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) (BL: 62).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 201/KL ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND thị xã Phú Mỹ, kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu sơn đen-đỏ, dung tích 125cm³, biển số 72E1-685.70, số máy JC76E1032532, số khung 7624KY009947. Mua cũ vào năm 2019. Tại thời điểm ngày 21/10/2023 tài sản có giá trị là 18.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 16-01-2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Lê Văn N, Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi, đặc điểm nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 mô tô biển kiểm soát 68B1-267.73, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là anh T1. Đối với 01 biển số 75H1-439-40 là tài sản trong vụ việc khác nên đề nghị HĐXX giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra bảo quản xử lý theo quy định. Đối với 01 kim cộng lực, 01 T đoản là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Lưu tại hồ sơ 01 USB có chứa 03 đoạn video trích xuất từ camera ghi lại hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo ngày 21 và 24/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Bị hại chị Trần T T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng giá trị chiếc xe Honda, loại Future F1, biển kiểm soát 72E1-685.70 là phù hợp quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời khai của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đồng thời thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng. Bị cáo không có ý bào chữa mà chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng

Tại phiên tòa, bị cáo tại tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự khác, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Từ đó đủ cơ sở xác định được:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 21/10/2023, tại cửa hàng mua bán điện thoại di động “T” nằm trên đường Đ thuộc khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lê Văn N và Trần Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Future FI, biển số 72E1-685.70, trị giá 18.000.000 đồng của chị Trần T T.

Khoảng 04 giờ ngày 24/10/2023, tại khu nhà trọ bà N thuộc tổ X, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lê Văn N và Trần Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 68B1-267.73, trị giá 10.000.000 đồng của anh Trần Văn Quốc T1

Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn N, Trần Văn L đã chiếm đoạt là 28.000.000 đồng.

Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, cáo trạng số 28/CT-VKS-PM ngày 16-01-2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn N đã ba lần bị xử phạt tù. Tại Bản án 97/2015/HSST ngày 28-7-2015, của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và Bản án số 183/2015/HSST ngày 15-9-2015, của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Phần nghĩa vụ bồi thường bị cáo chưa chấp hành do cơ quan thi hành án không nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bị hại.

Tuy nhiên, Điều 70 Bộ luật hình sự quy định về điều kiện xóa án tích “Người bị kết án nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án. Như vậy bộ luật hình sự không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì. Hơn nữa pháp luật thi hành án dân sự quy định N phương thức thi hành án để người phải thi hành án có quyền lựa chọn như tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc nhờ người thân nộp thay. Do vậy, trường hợp người bị kết án không nhận được thông báo thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự nên chưa thi hành các quyết định khác của bản án là chưa chấp hành xong bản án. Trường hợp này người bị kết án không đương nhiên bị xóa án tích theo Điều 70 Bộ luật hình

sự Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Văn N đã bị kết án chưa được xóa án tích nay thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] *Về vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*

Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì ham chơi, lười lao động bị cáo cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ bản thân. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân và gây ảnh hưởng xấu trật tự, an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, tương ứng với đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên đồng phạm với nhau. Xét tính chất hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L có vai trò ngang nhau. Bị cáo L có vai trò người khởi xướng, bị cáo N có vai trò người thực hành tích cực. Các bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, đã bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh bản thân lại tiếp tục phạm tội, đã thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo. Bị cáo Lê Văn N có nhân thân xấu hơn và có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên hình phạt cao hơn bị cáo L để đảm bảo tính răn đe.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại chị Trần T T yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 18.000.000 đồng giá trị chiếc xe Honda, loại Future F1, biển kiểm soát 72E1-685.70 là phù hợp quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên được công nhận.

[7] *Về xử lý vật chứng:*

Cơ quan Điều tra đã trả lại tài sản 01 mô tô biển kiểm soát 68B1-267.73 cho chủ sở hữu là đúng theo quy định. Đối với 01 biển số 75H1-439-40 là tài sản trong vụ việc khác nên giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra bảo quản xử lý theo quy định. Đối với 01 kim cộng lực, 01 T đoản là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-10-2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-10-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Mỹ bảo quản, xử lý theo quy định đối với 01 biển kiểm soát số 75H1-439-40.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 kim cộng lực dài 80cm, trên lưỡi có chữ LIWIN 900 36, hai tay cầm màu xanh, cán bọc nhựa màu đen, đã rỉ sét; 01 T đoản hình chữ L chữ 8mm và 03 mũi phá khoá.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 53/BB-CCTHADS ngày 25-01-2024, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Lưu tại hồ sơ 01 USB có chứa 03 đoạn video trích xuất từ camera ghi lại hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo ngày 21 và 24/10/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L liên đới bồi thường cho chị Trần T T số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Bị cáo Lê Văn N phải bồi thường cho chị Trần T T số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho chị Trần T T số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng còn phải T toán tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trên số tiền phải thi hành án trong thời gian chưa thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

4. Án phí:

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Mỗi bị cáo Lê Văn N, Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ

tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- CCTHADS thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Trà